

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂM ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂM ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM ANH DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAM ANH .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0901054427

3. Ngày thành lập: 09/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số C-75 phố Trúc, KĐT Ecopark, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0373868816

Fax:

Email: leanhsonvn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830(Chính)
2.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
3.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giấy giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810
4.	Đào tạo sơ cấp	8531
5.	Đào tạo trung cấp	8532
6.	Đào tạo cao đẳng	8533
7.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559

8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ tư vấn du học	8560
9.	Đại lý du lịch	7911
10.	Điều hành tua du lịch	7912
11.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
12.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên	9329
13.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Gửi hàng; - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Dịch vụ Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
15.	Quảng cáo	7310
16.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
18.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (không bao gồm đấu giá)	4610
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
23.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
24.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
25.	Dịch vụ đóng gói	8292
26.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
27.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

28.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30.	Vận tải đường ống	4940
31.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
32.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
33.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
34.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
35.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
36.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
38.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
39.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
40.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
41.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
42.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
43.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
44.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
45.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
46.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
48.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
54.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
55.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100

56.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dược liệu	4649
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại	4669
59.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
60.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
61.	Đúc sắt, thép	2431
62.	Đúc kim loại màu	2432
63.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
64.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
65.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
66.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
67.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
68.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
69.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
70.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
71.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
72.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
73.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
74.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
75.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
76.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
77.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
78.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

79.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
80.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
81.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
82.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
83.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
84.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
85.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
86.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
87.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
88.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
89.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
90.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
91.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
92.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
93.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
94.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
95.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
96.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
97.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530

98.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
99.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
100.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
101.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
102.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
103.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đèn và bộ đèn; Bán lẻ thiết bị gia dụng;	4759
106.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
107.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
108.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
109.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

110.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn chứng khoán; - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... - Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
111.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
112.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính.	5820
113.	Lập trình máy vi tính	6201
114.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
115.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
116.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
117.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ ANH SƠN	Xóm 1, Xã Cẩm Lộc, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	195.000	1.950.000.000	39,000	B3539735	
			Tổng số	195.000	1.950.000.000	39,000		

2	ĐỖ THỊ TÂM	Xóm Thủy, thôn Hoàng Trung, Xã Hồng Dương, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	1.900.000.000	38,000	0112469205	
			Tổng số	190.000	1.900.000.000	38,000		
3	TRẦN VIỆT ANH	1/28 ngõ 61, tổ 2, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	115.000	1.150.000.000	23,000	042080000375	
			Tổng số	115.000	1.150.000.000	23,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ANH SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B3539735

Ngày cấp: 30/12/2009

Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, Xã Cẩm Lộc, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Kiên Thành, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Hưng Yên